

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 41



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 07 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ bảy ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội bộ ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Ngô Trọng Phần	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Ngày 26 tháng 04 năm 2017
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2012
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019
Ông Trần Kiên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc, ✓

Giám đốc



Lê Đăng Phúc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0332/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 20.746.813.345 VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		471.937.795.807	559.977.556.629
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.444.057.746	62.348.889.720
1. Tiền	111		29.944.057.746	28.848.889.720
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	33.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		372.744.976.082	475.129.210.236
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	348.562.864.263	441.843.803.631
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.314.655.839	3.612.444.521
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	22.076.734.624	29.672.962.084
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.209.278.644)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		62.170.240.985	19.406.745.370
1. Hàng tồn kho	141	V.7	62.170.240.985	19.406.745.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.578.520.994	3.092.711.303
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.578.520.994	3.092.711.303
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.228.564.520.839	1.155.029.092.918
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.343.555.621	8.998.226.760
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	8.065.251.485	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.278.304.136	8.998.226.760
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		872.814.153.672	980.855.098.398
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	871.515.156.090	977.573.655.719
<i>Nguyên giá</i>	222		1.963.894.955.445	1.858.382.777.134
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.092.379.799.355)	(880.809.121.415)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1.275.664.239	3.218.109.340
<i>Nguyên giá</i>	225		1.762.216.362	6.823.683.905
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(486.552.123)	(3.605.574.565)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	23.333.343	63.333.339
<i>Nguyên giá</i>	228		448.600.000	448.600.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(425.266.657)	(385.266.661)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	4.642.983.158	5.372.717.505
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.642.983.158	5.372.717.505
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		301.473.200.000	151.022.400.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	145.022.400.000	151.022.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	156.450.800.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		36.290.628.388	8.780.650.255
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	36.290.628.388	8.780.650.255
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.700.502.316.646	1.715.006.649.547

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.080.055.568.463	1.134.460.136.787
I. Nợ ngắn hạn	310		492.684.609.152	577.414.361.085
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	170.078.736.180	232.645.059.811
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	10.260.923.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	11.118.250.491	19.834.023.855
4. Phải trả người lao động	314		7.155.201.054	3.598.135.442
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	48.364.360.045	54.615.733.495
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	268.076.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	32.291.292.917	23.899.527.381
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	205.966.876.517	240.562.510.976
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	7.180.892.948	2.259.370.125
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		587.370.959.311	557.045.775.702
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	100.000.000.000	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	23.700.000	45.300.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	487.347.259.311	511.745.775.702
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

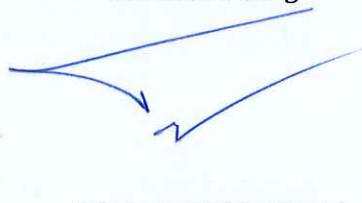
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		620.446.748.183	580.546.512.760
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	620.446.748.183	580.546.512.760
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		167.248.479.713	126.381.340.498
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.872.565.779	20.061.375.910
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		161.325.702.691	169.103.796.352
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.085.254.621	169.103.796.352
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		119.240.448.070	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.700.502.316.646	1.715.006.649.547

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020
Giám đốc

Lê Đăng Phúc


CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	900.395.892.774	1.015.986.666.961
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		900.395.892.774	1.015.986.666.961
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	668.957.076.970	752.497.824.402
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		231.438.815.804	263.488.842.559
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.176.750.850	15.940.811.250
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	69.113.609.194	80.677.106.905
Trong đó: chi phí lãi vay	23		67.965.090.056	80.032.157.447
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.702.934.264	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	52.178.140.627	48.285.345.785
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		123.620.882.569	150.467.201.119
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.986.621.854	323.089.559
12. Chi phí khác	32	VI.8	98.953.320	8.007.970.409
13. Lợi nhuận khác	40		1.887.668.534	(7.684.880.850)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		125.508.551.103	142.782.320.269
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6.268.103.033	6.558.522.887
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>119.240.448.070</u>	<u>136.223.797.382</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	125.508.551.103	142.782.320.269
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	215.584.957.907	214.877.578.547
- Các khoản dự phòng	03 V.6	3.209.278.644	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	73.801.238	59.815.950
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.714.139.693)	(39.263.488.202)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	67.965.090.056	80.032.157.447
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	398.627.539.255	398.488.384.011
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	104.490.165.347	(112.645.909.079)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(42.763.495.615)	(5.136.686.732)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(94.555.937.514)	(265.355.248.923)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(27.995.787.824)	21.492.290.688
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(63.518.724.295)	(67.752.210.694)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(5.981.368.530)	(6.587.497.315)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.20	(11.425.332.863)	(12.845.728.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	256.877.057.961	(50.342.606.571)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(109.340.616.421)	(63.516.711.615)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.374.000.000	134.070.258.925
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25 V.2	(56.450.800.000)	(4.022.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.500.000.000	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.700.000.000	7.650.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(153.217.416.421)	75.181.147.310

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.19	329.204.428.636	940.070.011.322
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.19	(418.396.041.692)	(893.008.214.810)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.19	(1.102.537.796)	(1.311.882.216)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(42.225.332.895)	(49.183.682.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(132.519.483.747)	(3.433.767.809)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(28.859.842.207)	21.404.772.930
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	62.348.889.720	40.837.540.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(44.989.767)	106.576.654
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	33.444.057.746	62.348.889.720

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Cảng Lạch Huyện (Công ty con đến ngày 04 tháng 12 năm 2019)	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54%	54%	54%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Công ty liên kết này đang trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng dự án cảng Đức Long tại xã Châu Phong và xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án 243.269.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 280 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 234 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản; chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ; chi phí duy tu cảng, đường bãi container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	72.374.075	26.844.415
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.871.683.671	28.822.045.305
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>) ^(*)	3.500.000.000	33.500.000.000
Cộng	<u>33.444.057.746</u>	<u>62.348.889.720</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 3.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	145.022.400.000		151.022.400.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Cảng Lạch Huyện ⁽ⁱ⁾	-		6.000.000.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng ⁽ⁱⁱ⁾	51.000.000.000		51.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	30.000.000.000		30.000.000.000	
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc ^(iv)	64.022.400.000		64.022.400.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	156.450.800.000		-	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ^(v)	156.450.800.000		-	
Cộng	<u>301.473.200.000</u>		<u>151.022.400.000</u>	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0313020290 ngày 21 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Cảng Lạch Huyện 76.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019, Công ty đã đầu tư 6.000.000.000 VND, tương đương 4% vốn điều lệ. Ngày 04 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Cảng Lạch Huyện đã hoàn thành thủ tục giải thể doanh nghiệp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313161911 ngày 26 tháng 9 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Du lịch Biển Tân Cảng 51.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1702075079 ngày 5 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang 30.000.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314870156 ngày 30 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc 64.022.400.000 VND, tương đương 54% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(v) Trong năm, Công ty đã mua 5.046.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ (tên gọi cũ Công ty Cổ phần IDC Quế Võ) từ 01 cá nhân với giá mua là 156.450.800.000 VND (31.000 VND/cổ phần), mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.046.800 cổ phiếu, tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ. Công ty đã thanh toán 56.450.800.000 VND, số còn phải thanh toán 100.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.13b).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng, Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc và Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng (Công ty con)</i>		
Công ty con cho thuê tài sản	27.862.500.000	21.270.000.000
Công ty con cung cấp dịch vụ	5.669.823.926	529.570.105
Vay Công ty con	-	20.400.000.000
Trả nợ vay Công ty con	-	35.400.000.000
Chi phí lãi vay phải trả Công ty con	-	863.100.000
Doanh thu cho Công ty con thuê xe	965.500.000	819.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý tàu cho Công ty con	7.332.046.804	18.250.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cầu cho Công ty con	1.648.360.678	-
Doanh thu bán dự án hợp tác cho Công ty con	-	5.000.000.000
Doanh thu bán thanh lý tài sản cố định cho Công ty con	-	112.258.925
Công ty con chia cổ tức	7.650.000.000	15.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang (Công ty con)

Vay Công ty con	-	1.400.000.000
Trả nợ vay Công ty con	1.000.000.000	8.930.000.000
Chi phí lãi vay phải trả Công ty con	2.875.887.500	3.238.512.500

Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Cảng Lạch Huyện (Công ty con)

Cần trừ công nợ vay và góp vốn	5.500.000.000	-
--------------------------------	---------------	---

Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc (Công ty con)

Góp vốn vào Công ty con bằng tiền	-	4.022.400.000
Góp vốn vào Công ty con bằng tài sản cố định	-	60.000.000.000
Doanh thu cho Công ty con thuê tàu	22.650.975.000	10.752.818.688
Doanh thu bán dầu DO cho Công ty con	1.364.215.773	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty con	3.387.010.610	-
Doanh thu bán thanh lý tài sản cố định cho Công ty con	3.900.000.000	-
Công ty con cung cấp dịch vụ	10.220.833.316	2.585.063.200
Công ty con chia cổ tức	6.402.240.000	-

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>104.551.501.879</i>	<i>103.400.378.254</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (*)	54.927.135.133	23.359.380.513
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	13.032.366.746	26.060.384.818
Công ty TNHH Tân Cảng - PETRO Cam Ranh	-	3.650.820.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng.	-	743.929.581
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Tân Cảng	13.600.000.000	10.451.415.150
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	12.700.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui	5.600.000.000	9.400.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	792.000.000	23.100.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc	3.900.000.000	7.711.348.192
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>244.011.362.384</i>	<i>338.443.425.377</i>
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	97.689.049.515	192.090.736.234
Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân	6.418.557.288	6.418.557.288
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu	18.668.588.166	26.776.999.642
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	40.330.947.782	21.387.236.823
Các khách hàng khác	80.904.219.633	91.769.895.390
Cộng	<u>348.562.864.263</u>	<u>441.843.803.631</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn về cho thuê cầu cảng, bãi container, số tiền: 49.583.333.335 VND đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V.19a).

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng (bên liên quan) về phí cung cấp dịch vụ quản lý tàu. Theo phụ lục số 01/TCO-TCOTS ngày 02 tháng 01 năm 2020, Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng đồng ý gia hạn thanh toán khoản nợ đến hạn 31/12/2019 qua quý I năm 2021.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	5.314.655.839	3.612.444.521
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	2.603.481.100	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư và Phát triển Cảng biển Tân Phú Thịnh	-	2.676.183.971
Các nhà cung cấp khác	2.711.174.739	936.260.550
Cộng	5.314.655.839	3.612.444.521

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	17.543.587.407	-	20.850.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc - Cổ tức được chia	6.402.240.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du Lịch Biển Tân Cảng	11.141.347.407	-	20.850.000.000	-
+ Phải thu về cho thuê tàu	-	-	13.200.000.000	-
+ Cổ tức được chia	9.600.000.000	-	7.650.000.000	-
+ Phải thu khác	1.541.347.407	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.533.147.217	-	8.822.962.084	-
Các khoản ký quỹ	820.217.300	-	1.191.849.300	-
Tạm ứng	2.422.321.324	-	2.882.967.909	-
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	1.055.000.000	-	1.642.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	235.608.593	-	3.105.644.875	-
Cộng	22.076.734.624	-	29.672.962.084	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Là khoản phải thu tiền bán hàng Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 50%

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	3.209.278.644	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>3.209.278.644</u>	<u>-</u>

7. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	2.172.373.894	1.878.919.537
Chi phí sửa chữa tài sản	1.406.147.100	1.213.791.766
Cộng	<u>3.578.520.994</u>	<u>3.092.711.303</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	66.933.340	267.733.336
Chi phí bảo hiểm	-	13.210.766
Chi phí sửa chữa tàu	24.897.975.670	7.824.242.044
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	11.037.941.753	-
Chi phí đăng kiểm	190.258.560	285.387.841
Chi phí sửa chữa khác	97.519.065	390.076.268
Cộng	<u>36.290.628.388</u>	<u>8.780.650.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	416.008.714.510	981.534.584.337	448.912.471.927	10.677.022.469	1.249.983.891	1.858.382.777.134
Số đầu năm	-	3.875.774.704	106.194.576.064	-	-	110.070.350.768
Mua sắm mới	-	-	5.061.467.543	-	-	5.061.467.543
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	(100.000.000)	(9.519.640.000)	-	-	(9.619.640.000)
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	416.008.714.510	985.310.359.041	550.648.875.534	10.677.022.469	1.249.983.891	1.963.894.955.445
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	199.967.310.958	-	69.320.000	-	200.036.630.958
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	314.890.504.565	421.067.708.026	135.702.379.869	8.594.361.663	554.167.292	880.809.121.415
Khấu hao trong năm	29.616.494.762	124.460.978.232	58.697.600.248	1.913.185.848	252.976.320	214.941.235.410
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	3.722.744.942	-	-	3.722.744.942
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(82.075.299)	(7.011.227.113)	-	-	(7.093.302.412)
Số cuối năm	344.506.999.327	545.446.610.959	191.111.497.946	10.507.547.511	807.143.612	1.092.379.799.355

Giá trị còn lại

Số đầu năm	101.118.209.945	560.466.876.311	313.210.092.058	2.082.660.806	695.816.599	977.573.655.719
Số cuối năm	71.501.715.183	439.863.748.082	359.537.377.588	169.474.958	442.840.279	871.515.156.090

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 800.476.799.270VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	6.823.683.905	(3.605.574.565)	3.218.109.340
Khấu hao trong năm	-	(603.722.501)	(603.722.501)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(5.061.467.543)	3.722.744.943	(1.338.722.600)
Số cuối năm	1.762.216.362	(486.552.123)	1.275.664.239

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm chương trình máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	448.600.000	(385.266.661)	63.333.339
Khấu hao trong năm	-	(39.999.996)	39.999.996
Số cuối năm	448.600.000	(425.266.657)	23.333.343

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	328.600.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	729.734.347	107.439.483.679	(106.858.212.428)	(1.311.005.598)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	4.642.983.158	-	-	-	4.642.983.158
Dự án 52 – 58 Trần Phú Nha Trang	542.740.734	-	-	-	542.740.734
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	1.086.606.060	-	-	-	1.086.606.060
Cộng	5.372.717.505	107.439.483.679	(106.858.212.428)	(1.311.005.598)	4.642.983.158

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	27.294.861.431	28.447.227.031
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc	1.201.901.733	11.276.945.021
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	10.090.819.979	8.324.571.715
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	3.739.279.100	3.903.082.721
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.661.000.000	3.640.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	2.712.351.400	424.173.750
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	-	353.800.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	720.280.320	224.044.636
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	3.169.228.899	285.725.088
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	-	14.884.100
Phải trả các nhà cung cấp khác	142.783.874.749	204.197.832.780
Công ty TNHH Xăng dầu Long Sơn	9.980.930.001	30.693.350.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	22.101.491.520	16.178.636.670
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	3.980.581.086	24.598.853.307
Rosemary Overseas Ltd	-	26.347.408.042
Các nhà cung cấp khác	106.720.872.142	106.379.584.761
Cộng	170.078.736.180	232.645.059.811

13b. Phải trả người bán dài hạn

Là khoản phải trả Ông Đinh Văn Học tiền mua cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2019/CNCP-TCO ngày 15 tháng 4 năm 2019 và phụ lục hợp đồng số PL01/2019/CNCP-TCO ngày 30 tháng 12 năm 2019. Công ty mua 5.046.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ (tên cũ là Công ty Cổ phần Tân Cảng IDC Quế Võ) với giá chuyển nhượng 31.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng: 156.450.800.000 VND. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã thanh toán: 56.450.800.000 VND, phần còn lại được thanh toán trước ngày 31 tháng 01 năm 2021.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	10.260.923.000	-
Aussie Offshore Services Limited	7.658.475.000	-
Total Management Services pte. ltd.,	2.314.396.000	-
Các khách hàng khác	288.052.000	-
Cộng	10.260.923.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.608.751.274	17.458.181.936	(25.683.701.470)	4.383.231.740
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	18.121.109.619	(18.121.109.619)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	867.148.594	(867.148.594)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.380.231.421	6.268.103.033	(5.981.368.530)	5.666.965.924
Thuế thu nhập cá nhân	1.168.831.290	7.764.759.645	(8.187.544.187)	746.046.748
Các loại thuế khác	676.209.870	3.057.330.011	(3.411.533.802)	322.006.079
Cộng	19.834.023.855	53.536.632.838	(62.252.406.202)	11.118.250.491

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.508.551.103	142.782.320.269
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.801.168.793	3.688.137.476
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí khấu hao xe phần trên 1,6 tỷ	101.567.952	285.899.088
Chi phí không hợp lệ	3.648.672.492	3.402.238.388
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	50.928.349	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	129.309.719.896	146.470.457.745
Thu nhập miễn thuế (cổ tức được chia)	(14.052.240.000)	(15.300.000.000)
Thu nhập tính thuế	115.257.479.896	131.170.457.745
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động khai thác cảng biển	111.889.286.307	150.423.732.420
Thu nhập từ hoạt động khác	3.368.193.589	(19.253.274.675)
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khai thác cảng	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	23.051.495.979	26.234.091.549

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(11.188.928.631)	(13.117.045.775)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(5.594.464.315)	(6.558.522.887)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.268.103.033	6.558.522.887

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	15.262.181.940	12.439.144.500
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang – Lãi vay phải trả	5.804.400.000	3.498.512.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng - Chi phí dịch vụ	517.149.940	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	33.102.178.105	42.176.588.995
Lãi vay phải trả	22.501.887.382	21.970.032.535
Chi phí thuê tàu phải trả	8.209.251.740	15.278.906.163
Chi phí nhiên liệu phải trả	270.127.273	1.850.484.552
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.120.911.710	3.077.165.745
Cộng	48.364.360.045	54.615.733.495

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu cho Total Management Services Pte. Ltd về neo đậu xà lan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	23.026.972.388	12.902.713.108
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	21.688.957.063	10.573.200.765
+ Cổ tức phải trả	21.503.160.000	10.503.000.000
+ Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả	185.797.063	70.200.765
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng - Chi phí dịch vụ	5.000.040	351.104.040
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.333.015.285	1.978.408.303
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	9.264.320.529	10.996.814.273
Kinh phí công đoàn	74.617.412	52.025.933
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.441.789	2.173.500
Lãi vay hợp tác	-	1.556.741.250
Cổ tức phải trả	8.987.825.000	1.263.317.895
Phải trả về lợi tức hợp tác kinh doanh	-	5.787.861.660
Phải trả về quỹ ngoại giao ban điều hành	-	1.084.409.350
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	196.436.328	1.250.284.685
Cộng	32.291.292.917	23.899.527.381

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	23.700.000	45.300.000.000
Hợp tác kinh doanh cầu Kocks	-	31.300.000.000
Hợp tác kinh doanh Cầu Mitsui ⁽ⁱ⁾	-	14.000.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	23.700.000	-
Cộng	23.700.000	45.300.000.000

- (i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 02.10/2015/HTĐT/TCO-VINACONECT ngày 19 tháng 10 năm 2015, Công ty và đối tác thực hiện hợp tác khai thác tài sản là cầu Mitsui, tỷ lệ vốn góp mỗi bên là 50/50, thời gian hợp tác là 10 năm. Giá trị vốn góp lần đầu của đối tác là 14 tỷ. Lợi nhuận và rủi ro với việc đầu tư hai cầu này theo tỷ lệ vốn góp là 50/50. Trong năm, Công ty đã thanh lý hợp đồng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	127.433.721.142	93.548.147.102
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	40.360.713.566	42.459.609.067
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	54.939.328.362	51.088.538.035
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	32.133.679.214	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	78.137.959.303	146.148.376.287
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	395.196.072	865.987.587
Cộng	<u>205.966.876.517</u>	<u>240.562.510.976</u>

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0088/1938/N-CTD ngày 24/8/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 24/8/2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng trị giá 3.500.000.000 VND; thế chấp tài sản là 02 cầu khung bánh lốp RTG 6+1 hiệu Kalmar.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng số 54486.19.151.1131175.TD ngày 12/12/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tiền vay 80.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 31/10/2020. Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền khai thác tài sản là Công trình dự án Cảng Container hình thành trên khu đất cảng xăng dầu Cát Lái, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; Các TAN CANG 63, TAN CANG 66 và TC Royal; Khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 337-13/TCT-KHKD ngày 30/6/2013 và các PLHĐ/ BB thỏa thuận có liên quan.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12827294/HĐTD ngày 18/12/2019 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 40.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 18/12/2020. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu tài sản là 01 cầu bờ Container hiệu Kocks.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	93.548.147.102	263.298.414.445	-	(229.412.840.405)	127.433.721.142
Vay dài hạn đến hạn trả	146.148.376.287	-	78.137.959.303	(146.148.376.287)	78.137.959.303
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	865.987.587	72.120.612	559.625.669	(1.102.537.796)	395.196.072
Cộng	<u>240.562.510.976</u>	<u>263.370.535.057</u>	<u>78.697.584.972</u>	<u>(376.663.754.488)</u>	<u>205.966.876.517</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	31.470.000.000	37.970.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Cảng - Lạch Huyện	-	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ⁽ⁱ⁾	31.470.000.000	32.470.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	291.425.293.580	313.604.759.304
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	55.531.293.580	19.110.000.001
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	7.920.759.303
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga ^(iv)	15.400.000.000	30.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa ^(v)	220.494.000.000	255.774.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác ^(vi)	164.018.850.000	159.178.275.000
Nợ thuê tài chính ^(vii)	433.115.731	992.741.398
Cộng	487.347.259.311	511.745.775.702

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐVT/TCKG-TCO ngày 04 tháng 12 năm 2017 và 01/2018/HĐVT/TCKG-TCO ngày 27 tháng 6 năm 2018 với số tiền vay lần lượt là 40.000.000.000 VND và 1.400.000.000 VND, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động vào kinh doanh, thời gian vay 24 tháng, lãi suất cố định 9%/ năm. Theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Hợp đồng tín dụng 01/2017/HĐVT/TCKG-TCO và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hợp đồng tín dụng 01/2018/HĐVT/TCKG-TCO, thời hạn trả nợ được điều chỉnh gia hạn lần lượt đến ngày 08 tháng 11 năm 2024 và đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng số 21372.17.151.1131175.TD ngày 28 tháng 11 năm 2017 và số 6898.19.151.1131175.TD ngày 14 tháng 3 năm 2019 với hạn mức cho vay VND tương đương 1.400.000 USD và 3.220.000 USD, giải ngân VND theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay để đầu tư tàu Olympic Progress và tàu Armada Tuah 304. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất từ 8,2% đến 9,7% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ theo Hợp đồng tín dụng ngày 26 tháng 2 năm 2015, mục đích mua sắm đầu tư cầu. Tiện ích tín dụng trị giá 7.600.000 USD, ngày đáo hạn cuối cùng là ngày 31 tháng 3 năm 2020. Lãi suất từ 6,24% đến 9,05% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hai cần cầu giàn chuyên dụng xếp dỡ container, tài sản hình thành từ vốn vay, và tiền bảo hiểm đối với cần cầu và động sản nêu ở trên.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga theo Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTDH.DN ngày 29 tháng 12 năm 2016, mục đích đầu tư sà lan TÂN CẢNG 89, hạn mức vay là 77.000.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất từ 8,7% đến 9,2% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng số 0606/2018-HĐCVTL/NHCT126-TCO ngày 12 tháng 6 năm 2018 để đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer. Tổng số tiền vay 317.514.000.000 VND, thời hạn cho vay 106 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 106 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất từ 7,7% đến 9,5% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hai cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (vi) Là khoản vay dài hạn các cá nhân khác để tăng cường vốn cho hoạt động offshore, lãi suất cố định 9%/năm và khoản vay dài hạn các cá nhân để đầu tư vào dự án Cầu Kocks, lãi suất 25%/năm.
- (vi) Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng số 85.18.02/CTTC ngày 20 tháng 3 năm 2018 và số 85.18.07/CTTC ngày 22 tháng 10 năm 2018. Tài sản thuê là 01 xe Ford Ranger, 01 xe Ford Transit với số tiền cho thuê là 1.127.272.727 VND, thời hạn thuê 36 tháng và 01 xe ô tô HUYNDAI SOLATI H35 với số tiền cho thuê là 761.390.374 VND, thời hạn thuê 48 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	369.563.252.883	78.137.959.303	291.425.293.580	-
Vay dài hạn bên liên quan	31.470.000.000	-	31.470.000.000	-
Vay dài hạn các cá nhân khác	164.018.850.000	-	164.018.850.000	-
Nợ thuê tài chính	828.311.803	395.196.072	433.115.731	-
Cộng	565.880.414.686	78.533.155.375	487.347.259.311	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	459.753.135.591	146.148.376.287	313.604.759.304	-
Vay dài hạn bên liên quan	37.970.000.000	-	37.970.000.000	-
Vay dài hạn các cá nhân khác	159.178.275.000	-	159.178.275.000	-
Nợ thuê tài chính	1.858.728.985	865.987.587	992.741.398	-
Cộng	658.760.139.576	147.014.363.874	511.745.775.702	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng khác ⁽ⁱ⁾	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Giảm khác ⁽ⁱⁱ⁾	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	313.604.759.304	65.833.893.579	-	(9.875.400.000)	(78.137.959.303)	-	291.425.293.580
Vay dài hạn bên liên quan	37.970.000.000	-	-	(1.000.000.000)	-	(5.500.000.000)	31.470.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	159.178.275.000	-	31.300.000.000	(26.459.425.000)	-	-	164.018.850.000
Nợ thuê tài chính	992.741.398	-	2	-	(559.625.669)	-	433.115.731
Cộng	511.745.775.702	65.833.893.579	31.300.000.002	(37.334.825.000)	(78.697.584.972)	(5.500.000.000)	487.347.259.311

⁽ⁱ⁾ Phân loại khoản hợp tác kinh doanh dự án cầu Kocks chia lãi suất cố định.

⁽ⁱⁱ⁾ Bù trừ khoản thu hồi vốn góp và nợ vay phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Cảng Đầu tư Tân Cảng Lạch Huyện

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.339.777.436	6.811.189.869	(6.424.580.363)	1.726.386.942
Quỹ phúc lợi	456.169.487	6.811.189.869	(4.591.752.500)	2.675.606.856
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	463.423.202	2.724.475.948	(409.000.000)	2.778.899.150
Cộng	2.259.370.125	16.346.855.686	(11.425.332.863)	7.180.892.948

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Số đầu năm trước	265.000.000.000	86.813.174.440	161.640.711.469	13.466.681.567	526.920.567.476
Lợi nhuận trong năm	-	-	136.223.797.382	-	136.223.797.382
Chia cổ tức năm trước	-	-	(60.950.000.000)	-	(60.950.000.000)
Trích lập các quỹ năm trước	-	39.568.166.058	(67.810.712.499)	6.594.694.343	(21.647.852.098)
Số dư cuối năm trước	<u>265.000.000.000</u>	<u>126.381.340.498</u>	<u>169.103.796.352</u>	<u>20.061.375.910</u>	<u>580.546.512.760</u>
Số dư đầu năm nay	265.000.000.000	126.381.340.498	169.103.796.352	20.061.375.910	580.546.512.760
Lợi nhuận trong năm	-	-	119.240.448.070	-	119.240.448.070
Chia cổ tức năm nay	-	-	(60.950.000.000)	-	(60.950.000.000)
Trích kinh phí HĐQT, BKS	-	-	(2.043.356.961)	-	(2.043.356.961)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2018	-	40.867.139.215	(64.025.184.770)	6.811.189.869	(16.346.855.686)
Số dư cuối năm nay	<u>265.000.000.000</u>	<u>167.248.479.713</u>	<u>161.325.702.691</u>	<u>26.872.565.779</u>	<u>620.446.748.183</u>

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	93.492.000.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	<u>265.000.000.000</u>	<u>265.000.000.000</u>

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 60.950.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 40.867.139.215
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	: 6.811.189.869
• Trích quỹ Khen thưởng	: 6.811.189.869
• Trích quỹ Phúc lợi	: 6.811.189.869
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	: 2.724.475.948
• Trích kinh phí HĐQT, BKS	: 2.043.356.961

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 346.040,56 USD (số đầu năm là 71.836,16 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	340.934.983.192	366.680.008.000
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	532.827.685.862	501.218.282.924
Doanh thu bán tàu, sà lan	-	134.070.258.925
Doanh thu dịch vụ khác	26.633.223.720	14.018.117.112
Cộng	<u>900.395.892.774</u>	<u>1.015.986.666.961</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản cho các đơn vị:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	210.464.999.994	307.940.008.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	60.000.000.000	57.900.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các đơn vị:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	12.631.080.569	9.018.117.112
Công ty TNHH Tân Cảng - PETRO Cam Ranh	2.053.636.363	548.727.273
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	6.701.385.113
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	-	1.150.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	210.000.000	-
Doanh thu bán tàu		
Công ty TNHH Tân Cảng - PETRO Cam Ranh	-	110.808.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cho thuê tài sản	182.579.837.818	177.096.882.614
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	472.059.025.639	459.018.513.304
Giá vốn bán tàu, sà lan	-	102.364.311.372
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	14.318.213.513	14.018.117.112
Cộng	<u>668.957.076.970</u>	<u>752.497.824.402</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	202.624.913	482.903.413
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	176.141.564	79.702.923
Cổ tức được chia	14.052.240.000	15.300.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	745.744.373	78.204.914
Cộng	<u>15.176.750.850</u>	<u>15.940.811.250</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	67.965.090.056	80.032.157.447
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	500.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	574.717.900	585.133.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	73.801.238	59.815.950
Cộng	<u>69.113.609.194</u>	<u>80.677.106.905</u>

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí hoa hồng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	27.070.769.496	25.181.541.986
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	744.208.774	741.430.332
Chi phí đồ dùng văn phòng	768.653.247	805.874.780
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.722.192.175	1.862.787.010
Thuế, phí và lệ phí	107.224.286	113.458.520
Dự phòng phải thu khó đòi	3.209.278.644	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.350.053.637	10.385.414.087
Chi phí bằng tiền khác	9.205.760.368	9.194.839.070
Cộng	<u>52.178.140.627</u>	<u>48.285.345.785</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý TSCĐ	161.899.693	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập từ thanh lý TSCĐ</i>	<i>1.394.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý</i>	<i>(1.212.100.307)</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí thanh lý TSCĐ</i>	<i>(20.000.000)</i>	
Thu tiền bồi thường	1.719.668.779	307.131.557
Thu nhập khác	105.053.382	15.958.002
Cộng	<u>1.986.621.854</u>	<u>323.089.559</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ do đánh giá lại TSCĐ đem góp vốn	-	7.964.628.084
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	18.825.939	38.337.649
Chi phí khác	80.127.381	5.004.676
Cộng	<u>98.953.320</u>	<u>8.007.970.409</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.496.341.219	150.172.627.727
Chi phí nhân công	117.592.102.983	91.571.863.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.584.957.907	214.877.578.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.920.337.124	214.393.353.723
Chi phí khác	71.007.908.243	142.987.944.236
Cộng	<u>765.601.647.476</u>	<u>814.003.367.357</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.051.605.632	2.062.952.727
Tiền thưởng	442.384.045	814.459.872
Cộng	<u>3.493.989.677</u>	<u>2.877.412.599</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Việt Nam	Thành viên góp vốn
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Cảng Lạch Huyện	Công ty con (đã giải thể ngày 04 tháng 12 năm 2019)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Tiền thuê đất phải nộp	4.470.316.000	-
Tặng vốn góp từ LNST	-	8.940.632.000
Chia cổ tức	21.503.160.000	21.503.160.000
Thanh toán cổ tức	12.681.284.789	11.000.000.000
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	889.266.649	951.667.642
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Việt Nam	-	495.000.000
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	3.711.400	13.272.650
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.605.680.239	2.214.550.709
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	2.468.022.750	140.070.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	-	41.261.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	-	3.156.481

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	4.565.038.307	-
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	10.800.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	166.601.364	-
Mua nhiên liệu của các đơn vị:		
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	-	2.049.325.028
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	19.910.616.319	-
Thanh lý tài sản:		
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	524.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.5a, V.13a, V.16, V.18a và V.19b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 20.746.813.345 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đang tích cực xin gia hạn nợ đối với các khoản nợ phải trả người bán và nợ vay đến hạn cũng như thu hồi các khoản công nợ phải thu để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất 12 tháng kể từ ngày Ban Giám đốc phê chuẩn Báo cáo tài chính này. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Quốc Bảo

Vũ Quang Tiến



Lê Đăng Phúc